

## **BÁO CÁO**

### **Ước tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện Côn Đảo về giao nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023;

UBND huyện Côn Đảo báo cáo ước tình hình thực hiện thu, chi 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

#### **I. ƯỚC THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Tổng thu ngân sách nhà nước quý 6 tháng năm 2023 (không bao gồm thu chuyển nguồn, kết dư) ước thực hiện 213.612 triệu đồng, đạt 53,4% (213.612 triệu đồng/400.002 triệu đồng) so với dự toán được UBND tỉnh giao. Trong đó, điều tiết cho ngân sách huyện là 198.510 triệu đồng, đạt 52,52% (198.510 triệu đồng/377.976 triệu đồng) dự toán được UBND tỉnh giao

So với dự toán được HĐND huyện giao, tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 50,86% (213.612 triệu đồng/420.002 triệu đồng). Trong đó, điều tiết cho ngân sách huyện đạt 49,88% (198.510 triệu đồng/397.976 triệu đồng).

Chi tiết như sau:

**1. Ước thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:** 51.068 triệu đồng, đạt 60,86% (51.068 triệu đồng/83.917 triệu đồng) dự toán năm. Trong đó, điều tiết ngân sách huyện 35.966 triệu đồng, đạt 58,11% (35.966 triệu đồng/61.891 triệu đồng). Bao gồm:

1.1. Thu từ khu vực DNNN giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý: 2.931 triệu đồng, đạt 977% dự toán năm. Điều tiết ngân sách huyện 1.554 triệu đồng, đạt 200,89% dự toán năm.

1.2. Thu từ khu vực DNNN giữ vai trò chủ đạo do địa phương quản lý: 7.117 triệu đồng, đạt 69,77% dự toán năm. Điều tiết ngân sách huyện 3.983 triệu đồng, đạt 69,43% dự toán năm.

1.3. Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 2.806 triệu đồng, đạt 33,02% dự toán năm. Điều tiết ngân sách huyện 1.460 triệu đồng, đạt 33,03% dự toán năm. Số thu ở lĩnh vực này do Phòng nghiệp vụ Cục thuế tỉnh thu và điều tiết về cho ngân sách huyện

1.4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 12.559 triệu đồng, đạt 62,17% dự toán năm. Điều tiết ngân sách huyện 6.536 triệu đồng, đạt 62,22% dự toán năm.

1.5. Thu lệ phí trước bạ: 1.830 triệu đồng, đạt 91,5% dự toán năm. Điều tiết ngân sách huyện 100%.

1.6. Thu thuế thu nhập cá nhân: 3.500 triệu đồng, đạt 50% dự toán năm. Điều tiết ngân sách huyện 1.644 triệu đồng, đạt 46,84% dự toán năm.

1.7. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 5.939 triệu đồng, đạt 296,95% dự toán năm. Điều tiết ngân sách huyện 100%.

1.8. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 21 triệu đồng, đây là khoản thu phát sinh không đáng kể và không được giao dự toán đầu năm, được điều tiết ngân sách huyện 100%.

1.9. Thu tiền sử dụng đất: 9.628 triệu đồng, đạt 32,09% dự toán năm. Điều tiết ngân sách huyện 100%.

1.10. Thu Phí – Lệ phí: 793 triệu đồng, đạt 46,65% dự toán năm. Điều tiết ngân sách huyện 728 triệu đồng, đạt 42,79% dự toán năm.

1.11. Thu khác ngân sách: 3.945 triệu đồng, đạt 195,59% dự toán năm ( Trong đó: thu tiền phạt 1.479 triệu đồng; thu tiền cho thuê, bán tài sản khác 127 triệu đồng; thu hồi các khoản chi năm trước 99 triệu đồng; thu khác còn lại 2.240 triệu đồng). Điều tiết ngân sách huyện 2.645 triệu đồng, đạt 145,57% dự toán năm.

1.12. Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu: Chưa phát sinh.

**2. Thu bổ sung ngân sách cấp trên:** 158.118 triệu đồng, đạt 50,02% dự toán năm.

### **3. Thu các khoản huy động, đóng góp tự nguyện**

Đây là khoản thu không được giao dự toán đầu năm. Nguyên nhân phát sinh khoản thu từ nguồn vận động tài trợ các các tổ chức, cá nhân cho huyện Côn Đảo để tổ chức các lễ hội, sự kiện, các hoạt động mừng Đảng mừng Xuân qua các năm; sau khi sử dụng còn số dư kinh phí nộp vào thu ngân sách theo ý kiến của Kiểm toán Nhà nước. 4.426 triệu đồng.

### **4. Nhận xét**

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng thu NSNN trên địa bàn huyện ước đạt 60,86% dự toán năm; đa số các khoản thu NSNN trên địa bàn ước đạt và vượt dự toán thu được UBND tỉnh và HĐND huyện giao tính bình quân theo tháng, quý (không bao gồm số thu bổ sung từ ngân sách tỉnh).

- Ngoài các khoản thu đạt và vượt dự toán tính bình quân theo tháng, quý (tỷ lệ 50% dự toán năm) vẫn có một số khoản thu chưa đạt dự toán theo tỷ lệ bình quân chung (thu từ khu vực Doanh nghiệp ĐTNN, thu tiền sử dụng đất, thu phí – lệ phí). Do đó, để đảm bảo hoàn thành dự toán thu NSNN năm 2023 được giao, UBND huyện Côn Đảo sẽ phối hợp với Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo rà soát, triển khai thực hiện các giải pháp theo Thông báo số 197/TB-STC ngày 20/6/2023 của Sở Tài chính tại cuộc họp nghiên cứu tìm giải pháp bảo đảm đạt kế hoạch thu NSNN năm 2023.

## II. ƯỚC CHI NGÂN SÁCH HUYỆN

Ước tổng chi ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2023 là 195.734 triệu đồng, đạt 49,18% (195.734 triệu đồng/397.976 triệu đồng) dự toán năm được HĐND huyện giao. Chi tiết như sau:

**1. Chi đầu tư phát triển (XDChB):** 59.134 triệu đồng, đạt 73,13% (59.134 triệu đồng/80.864 triệu đồng) dự toán năm. Trong đó, số dư tạm ứng của các dự án đến hết năm 2022 được chuyển sang năm 2023 tiếp tục theo dõi, thu hồi tạm ứng (29.151 triệu đồng).

**2. Chi mua sắm sửa chữa tài sản:** 5.817 triệu đồng, đạt 22,59% (5.817 triệu đồng/25.754 triệu đồng) dự toán năm.

**3. Chi thường xuyên: 136.595** triệu đồng, đạt 48,17% dự toán năm (136.595 triệu đồng/283.555 triệu đồng). Trong đó:

3.1. Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường: 52.205 triệu đồng, đạt 56,41% (52.205 triệu đồng/92.549 triệu đồng) dự toán năm.

3.2. Chi các đơn vị sự nghiệp kinh tế: 2.615 triệu đồng, đạt 43,27% (2.615 triệu đồng/6.044 triệu đồng) dự toán năm.

3.3. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 26.078 triệu đồng, đạt 44,08% (26.078 triệu đồng/59.159 triệu đồng) dự toán năm.

3.4. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình: 6.491 triệu đồng, đạt 58,4% (6.491 triệu đồng/11.115 triệu đồng) dự toán năm.

3.5. Chi đảm bảo xã hội: 2.681 triệu đồng, đạt 23,73% dự toán năm.

3.6. Chi Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, Hội đặc thù, thi đua khen thưởng: 37.341 triệu đồng, đạt 56,7% (37.341 triệu đồng/65.805 triệu đồng) dự toán năm.

3.7. Chi an ninh quốc phòng: 4.229 triệu đồng, đạt 38,34% (4.229 triệu đồng/11.029 triệu đồng) dự toán năm.

3.8. Chi khác ngân sách: 4.955 triệu đồng, đạt 47,28% (4.955 triệu đồng/10.480 triệu đồng) dự toán năm.

**4. Chi từ nguồn dự phòng:** 5 triệu đồng; chiếm 0,06% (5 triệu đồng/7.804 triệu đồng) dự phòng ngân sách năm 2023.

### **5. Nhận xét**

Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 49,18% so với dự toán năm, trong đó chủ yếu do chi đầu tư XDCB chưa đạt ảnh hưởng đến tỷ lệ thực hiện dự toán chi 6 tháng đầu năm 2023. Chi xây dựng cơ bản ước đạt 37,08% dự toán năm (*đã loại trừ số dư tạm ứng năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023*), nguyên nhân giải ngân thấp là do :

- Trong tháng 01/2023 các Chủ đầu tư dự án chủ yếu hoàn tất thủ tục quyết toán các dự án và thanh toán kế hoạch vốn năm 2022 ; cùng với sự thiếu hụt lực lượng nhân công trên các công trường trong tháng 01, tháng 02/2023 do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết nên hầu hết các dự án chưa có khối lượng nghiệm thu để giải ngân kế hoạch vốn được bố trí năm 2023. Kể từ đầu tháng 3/2022 thì các công trường xây dựng mới ổn định trật tự và tiếp tục khẩn trương thi công.

- Một số dự án còn vướng mắc và chưa hoàn tất thủ tục bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tiến độ triển khai xây dựng và tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn.

- Các dự án khởi công mới năm 2023 hầu hết triển khai thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán, tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp nên đến tháng 4 và tháng 5/2023 mới khởi công xây dựng nên chưa có nhiều khối lượng xây lắp để thanh toán kế hoạch vốn được bố trí.

### **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

- Tiếp tục triển khai các chế độ, chính sách mới liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân sách.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các Chỉ thị của UBND tỉnh về điều hành ngân sách, điều hành đầu tư công năm 2023 ; trong đó trọng tâm là một số nhiệm vụ :

+ Tập trung triển khai các giải pháp đạt kế hoạch thu NSNN năm 2023 để đảm bảo cân đối thu – chi ngân sách, trường hợp hụt thu so với dự toán thu được giao phải rà soát, cắt giảm nhiệm vụ chi theo quy định.

+ Đôn đốc, chỉ đạo các Chủ đầu tư dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân kế hoạch vốn bố trí cho các dự án theo đúng cam kết; đặc biệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án để bàn giao mặt bằng phục vụ thi công.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách huyện thực hiện chi tiêu ngân sách đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí; Triển khai Kế hoạch kiểm tra thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi thường xuyên.

- Yêu cầu Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm : (i) đôn đốc nhà thầu khẩn trương lập hồ sơ thanh toán khối lượng thực hiện theo thiết kế và hợp đồng ký kết ngay khi có khối lượng, không để dồn vào thời điểm cuối năm; lập hồ sơ quyết toán hợp đồng đối với những gói thầu đã hoàn thành nhằm nâng cao chất lượng quản lý, thanh toán vốn đầu tư, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư và rút ngắn thời gian thanh, quyết toán dự án, nâng cao tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn được giao ; (ii) khẩn trương hoàn tất các thủ tục liên quan để khởi công xây dựng các dự án được bố trí kế hoạch vốn khởi công mới năm 2023.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp Kho bạc nhà nước Côn Đảo tăng cường công tác kiểm soát chi đảm bảo chi ngân sách đúng mục đích, tiêu chuẩn, chế độ quy định.

- Xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 theo quy định.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

##### **1. Về thu ngân sách**

- Qua kết quả thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm 2023, số thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thu tiền sử dụng đất đạt tỷ lệ tương đối thấp so với dự toán được giao và so với mặt bằng chung các khoản thu khác còn lại. Do đó, kiến nghị cơ quan Thuế rà soát, có giải pháp đảm bảo thu đạt dự toán thu được giao trong năm 2023.

- Vừa qua, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV đã thống nhất quyết nghị giảm 2% thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng 10% (còn 8%), áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023. Do đó, đề nghị cơ quan Thuế chủ động rà soát, đánh giá khả năng thực hiện thu thuế giá trị gia tăng theo dự toán năm 2023 được giao, cung cấp thông tin, số liệu cho UBND huyện Côn Đảo để chủ động điều hành ngân sách.

##### **2. Về chi ngân sách**

UBND huyện Côn Đảo kiến nghị Sở Tài chính xem xét, có ý kiến tham mưu UBND tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để đảm bảo nguồn chi trả cho các hợp đồng lao động theo đề xuất của UBND huyện Côn Đảo tại Công văn số 172/UBND-TCKH ngày 17/01/2023. Đồng thời, kiến nghị Sở Tài chính xem xét tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho Huyện Côn Đảo phối hợp UBND tỉnh tổ chức các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sĩ trên địa bàn huyện, văn bản số 2270/UBND-VHTT ngày 23/6/2023.

Trên đây báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023. UBND huyện Côn Đảo kính báo./.

*(Kèm theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02)*

***Nơi nhận :***

- Sở Tài chính;
- TTr.HU, HĐND huyện;
- UBMTTQ huyện ;
- CT, PCT.UBND huyện;
- Cục Thuế tỉnh ;
- Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo ;
- Phòng VH-TT (đăng tải Website huyện);
- Lưu: VT, TCKH<sub>(NS)</sub>.

**CHỦ TỊCH**

**BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Đơn vị: triệu đồng.

NỘI DUNG	Dự toán năm báo cáo		Ước thực hiện kỳ báo cáo		% SS kỳ báo cáo/ dự toán năm báo cáo		Lũy kế đến kỳ báo cáo		% SS lũy kế đến kỳ báo cáo /DT năm báo cáo		% SS lũy kế đến kỳ báo cáo /cùng kỳ thực hiện năm trước	
	NSNN	NSH	NSNN	NSH	NSNN	NSH	NSNN	NSH	NSNN	NSH	NSNN	NSH
1	2	3	4	5	6=4/2	7=5/3	8	9	10=8/2	11=9/3	12	13
<b>TỔNG THU</b>	<b>420.002</b>	<b>397.976</b>	<b>37.248</b>	<b>35.457</b>	<b>8,87%</b>	<b>8,91%</b>	<b>213.612</b>	<b>198.510</b>	<b>50,86%</b>	<b>49,88%</b>	<b>155,44%</b>	<b>156,07%</b>
<b>I/ Thu đầu thô</b>			-	-								
<b>II/ Thuế XN khẩu</b>			-	-								
<b>III/ Thu nội địa</b>	83.917	61.891	10.908	9.117	<b>13,00%</b>	<b>14,73%</b>	<b>51.068</b>	<b>35.966</b>	<b>60,86%</b>	<b>58,11%</b>	<b>140,35%</b>	<b>136,72%</b>
1. DN Trung ương	300	204	28	23	9,33%	11,37%	2.931	1.554	977,00%	761,71%	200,89%	174,85%
Thuế giá trị gia tăng	200	104	10	5	5,00%	5,00%	2.838	1.476	1419,00%	1419,00%	219,66%	204,12%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-			31	16				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-			0	0				
Thuế tài nguyên	100	100	18	18	18,00%	18,00%	62	62	62,00%	62,00%	37,58%	37,58%
2. DN địa phương	10.200	5.736	451	336	4,42%	5,85%	7.117	3.983	69,77%	69,43%	177,93%	162,56%
Thuế giá trị gia tăng	7.500	3.900	-	-	0,00%	0,00%	2.852	1.483	38,03%	38,03%	93,54%	87,08%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.800	936	240	125	13,33%	13,33%	3.678	1.913	204,33%	204,33%	790,97%	732,78%
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-			0	0				
Thuế tài nguyên	900	900	211	211	23,44%	23,44%	587	587	65,22%	65,22%	120,78%	120,78%
3. DN đầu tư nước ngoài	8.500	4.420	71	37	0,84%	0,84%	2.806	1.460	33,02%	33,03%	78,04%	72,48%
Thuế giá trị gia tăng	7.500	3.900	10	5	0,13%	0,13%	1.933	1.005	25,78%	25,78%	64,25%	59,66%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000	520	55	29	5,50%	5,50%	815	424	81,51%	81,51%	145,29%	134,98%
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	6	3			57	30			237,50%	228,00%
Thuế tài nguyên	-	-	-	-			1	1			50,00%	50,00%
4. Ngoài quốc doanh	20.200	10.504	2.000	1.045	9,90%	9,95%	12.559	6.536	62,17%	62,22%	166,67%	155,21%
Thuế giá trị gia tăng	19.000	9.880	1.628	847	8,57%	8,57%	11.500	5.980	60,53%	60,53%	171,59%	159,34%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	900	468	333	173	37,00%	37,00%	910	473	101,11%	101,11%	143,53%	133,30%
Thuế tiêu thụ đặc biệt	300	156	29	15	9,67%	9,67%	137	71	45,67%	45,67%	68,84%	69,17%
Thuế tài nguyên	-	-	10	10			12	12				
5. Trước bạ	2.000	2.000	350	350	17,50%	17,50%	1.830	1.830	91,50%	91,50%	105,60%	105,60%
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	11	11			21	21			58,57%	59,14%
7. Thu nhập cá nhân	7.000	3.510	562	257	8,03%	7,32%	3.500	1.644	50,00%	46,84%	72,36%	63,21%
8. Thu tiền thuê đất	2.000	2.000	377	377	18,85%	18,85%	5.939	5.939	296,95%	296,95%	222,77%	222,77%
9. Thu tiền sử dụng đất	30.000	30.000	5.383	5.383	17,94%	17,94%	9.628	9.628	32,09%	32,09%	123,12%	123,12%
10. Sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-			0	0				
11. Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-			0	0				
12. Phí và lệ phí	1.700	1.700	230	223	13,53%	13,12%	793	728	46,65%	42,79%	75,52%	79,95%
13. Thu khác NS	2.017	1.817	1.445	1.075	71,64%	59,16%	3.945	2.645	195,59%	145,57%	238,22%	270,45%
<b>IV/ Thu NST bổ sung</b>	<b>316.085</b>	<b>316.085</b>	<b>26.340</b>	<b>26.340</b>	<b>8,33%</b>	<b>8,33%</b>	<b>158.118</b>	<b>158.118</b>	<b>50,02%</b>	<b>50,02%</b>	<b>156,73%</b>	<b>156,73%</b>
<b>V/ Kết dư</b>	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	-			<b>0</b>	<b>0</b>				
<b>VI/ Thu huy động đóng góp tự nguyện</b>							<b>4.426</b>	<b>4.426</b>				

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

*Đơn vị: triệu đồng*

Nội Dung	Dự toán giao đầu năm báo cáo	Ước thực hiện của kỳ báo cáo	%SS thực hiện kỳ báo cáo/DTnăm báo cáo	Lũy kế thực hiện của kỳ báo cáo	%SS lũy kế kỳ báo cáo/DT năm báo cáo	% lũy kế kỳ báo cáo/cùng kỳ báo cáo năm trước
1	2	3	4=3/2	5	6	7
<b>Tổng Chi NSDP (A+B)</b>	<b>397.976</b>	<b>38.381</b>	<b>9,64%</b>	<b>195.734</b>	<b>49,18%</b>	<b>121,03%</b>
<b>A/ Tổng Chi cân đối ngân sách</b>	<b>397.976</b>	<b>38.381</b>	<b>9,64%</b>	<b>195.734</b>	<b>49,18%</b>	<b>121,03%</b>
<b>I/ Chi Đầu Tư phát triển (Chi XDCB)</b>	<b>80.864</b>	<b>7.085</b>	<b>8,76%</b>	59.134	<b>73,13%</b>	<b>128,34%</b>
<b>II/ Chi MSSCTS</b>	<b>25.754</b>	<b>807</b>	<b>3,13%</b>	5.817	<b>22,59%</b>	<b>114,96%</b>
<b>III/ Chi Thường Xuyên</b>	<b>283.555</b>	<b>31.291</b>	<b>11,04%</b>	<b>136.595</b>	<b>48,17%</b>	<b>125,73%</b>
1/ Chi sự nghiệp kinh tế, SNMT	92.549	12.923	13,96%	52.205	56,41%	157,67%
2/ Các đơn vị sự nghiệp kinh tế	6.044	450	7,45%	2.615	43,27%	74,27%
3/ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	59.159	4.037	6,82%	26.078	44,08%	102,32%
4/ Chi sự nghiệp y tế		-		-		
5/ Chi SN văn hoá thông tin, TDTT, PTTH	11.115	1.041	9,37%	6.491	58,40%	122,29%
7/ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		-		-		
8/ Chi đảm bảo xã hội	11.296	683	6,05%	2.681	23,73%	57,51%
9/ Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù	64.463	9.652	14,97%	36.689	56,91%	122,33%
10/ Chi an ninh quốc phòng	11.029	1.436	13,02%	4.229	38,34%	113,23%
11/ Chi khác ngân sách	10.480	1.009	9,63%	4.955	47,28%	224,21%
12/ Chi thực hiện chương trình mục tiêu, đề án		-		-		
13/ Chi tạo nguồn để cải cách tiền lương	16.078	-	0%	-	0,00%	
14/ Chi thi đua khen thưởng	1.342	60	4%	652	48,58%	105,84%
<b>IV / Dự phòng tài chính</b>	<b>7.804</b>	<b>5</b>	<b>0,06%</b>	<b>5</b>	<b>0,06%</b>	